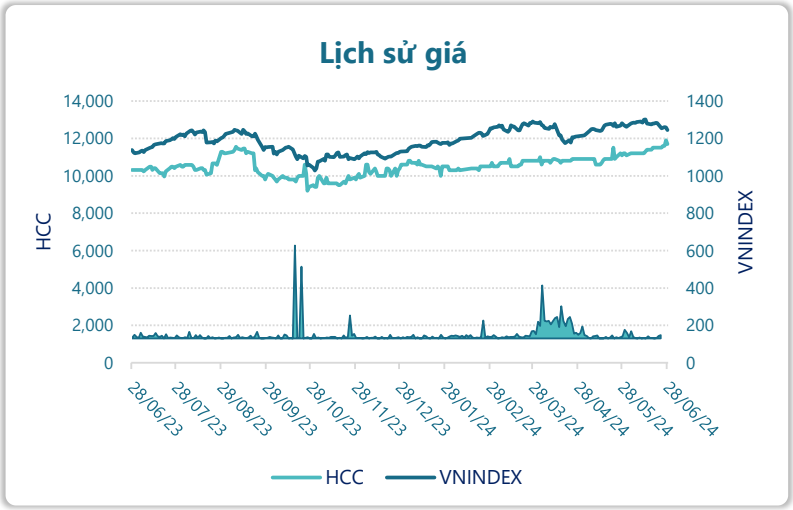
FireAnt

CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX (HNX: HCC)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,200
SL cổ phiếu LH	6,518,547
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,035
% sở hữu nước ngoài	12.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	76
P/E	9.1
EPS	1,280

DT thuần

Q2/24

73.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.4| 35.6%

YoY: ▲ 9.90| 15.5%

LN sau thuế

Q2/24

3.77

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.46| 188%

YoY: ▼0.23| -5.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

6.6%

+/- YoY: ▼ 1.9%

DT thuần

6T 2024

128

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 9.4%

LN sau thuế

6T 2024

5.08

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.79| -13.4%

ROE

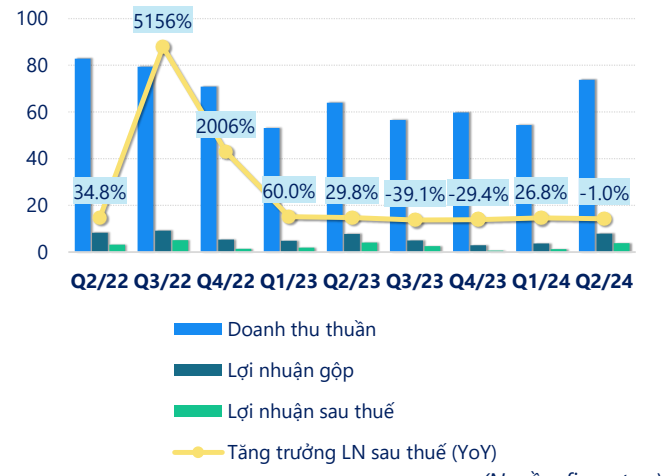
Q2/24

9.6%

+/- YoY: ▼ 5.2%

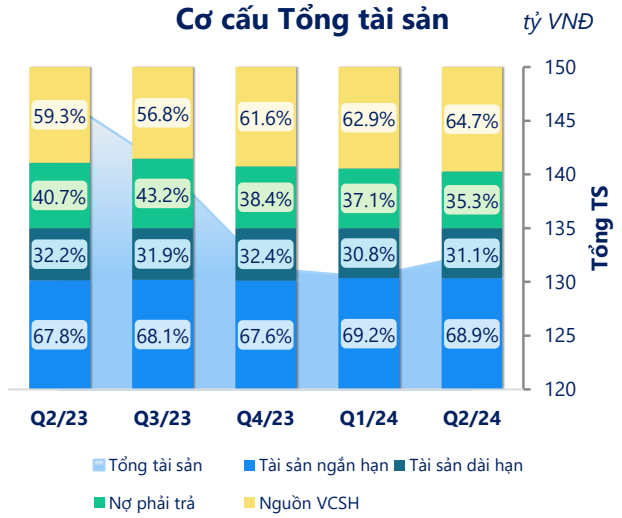
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



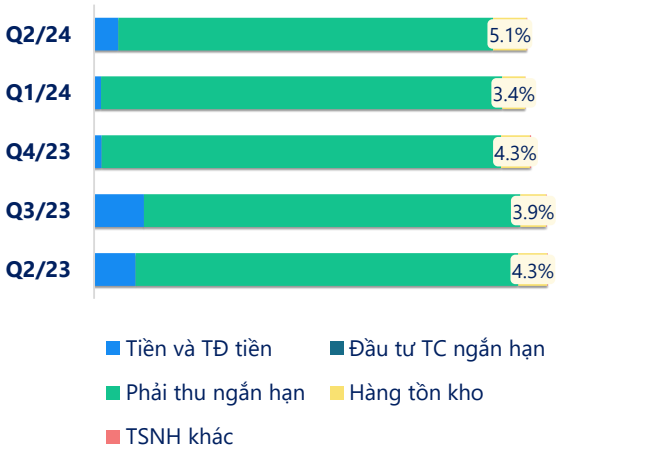
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



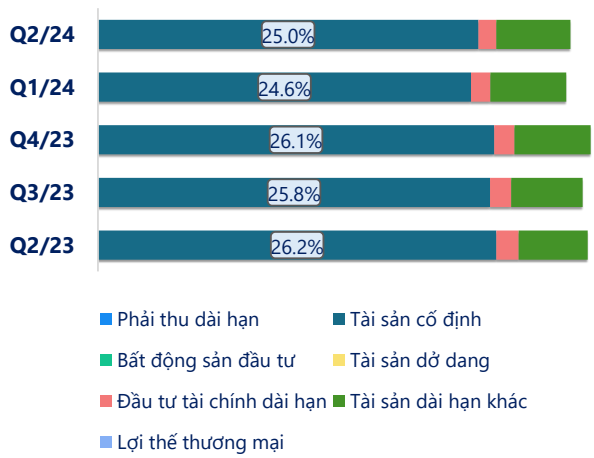
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



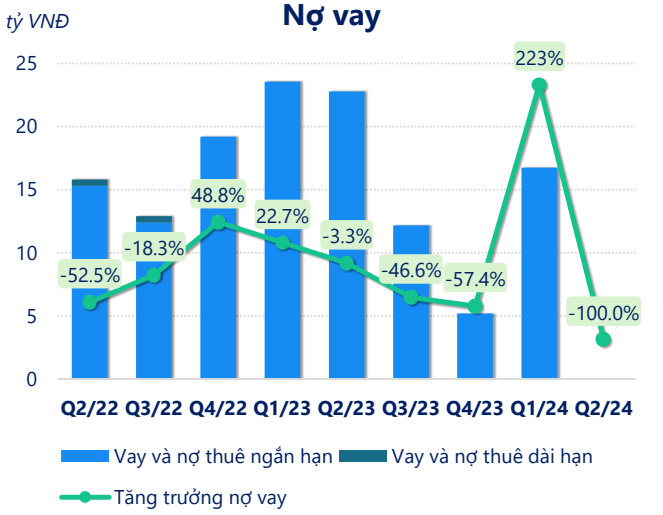
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



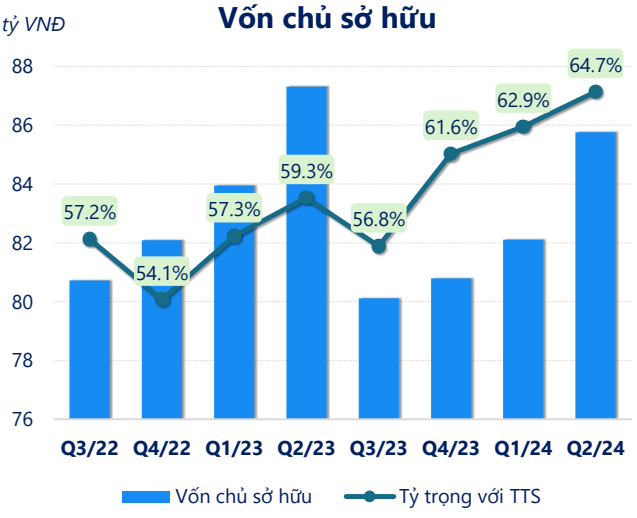
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



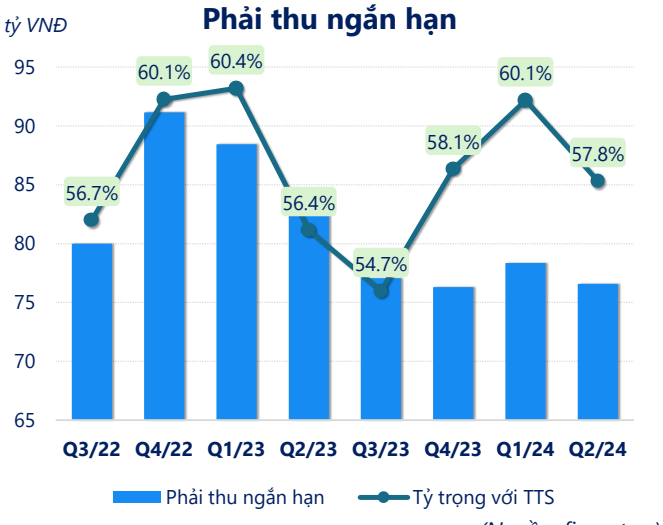
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



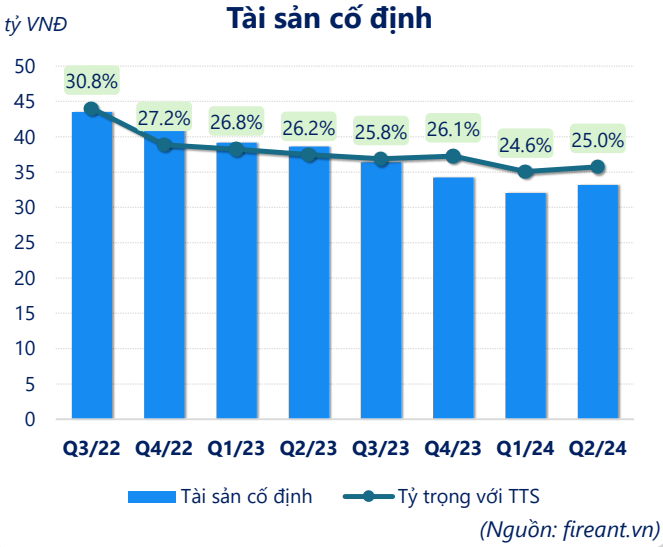
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



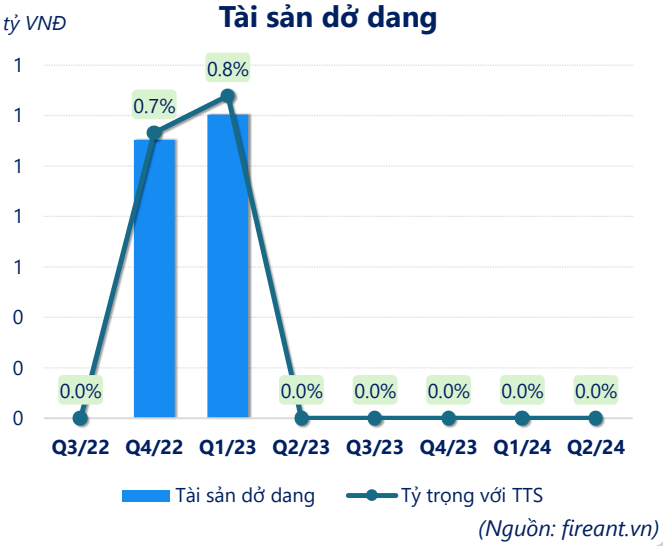
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



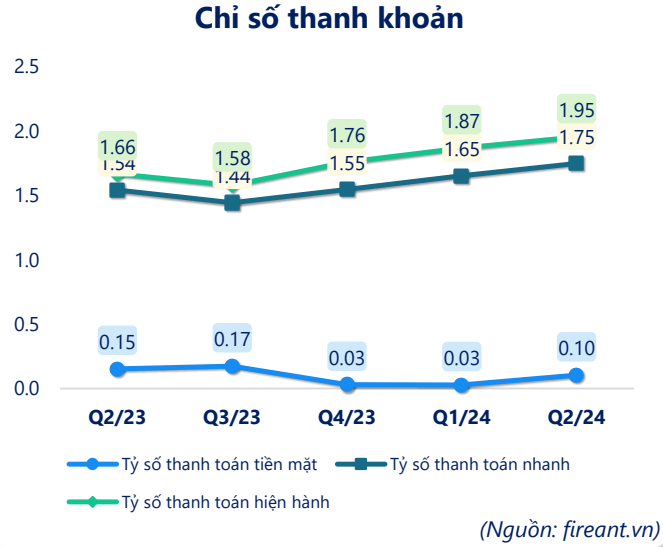
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



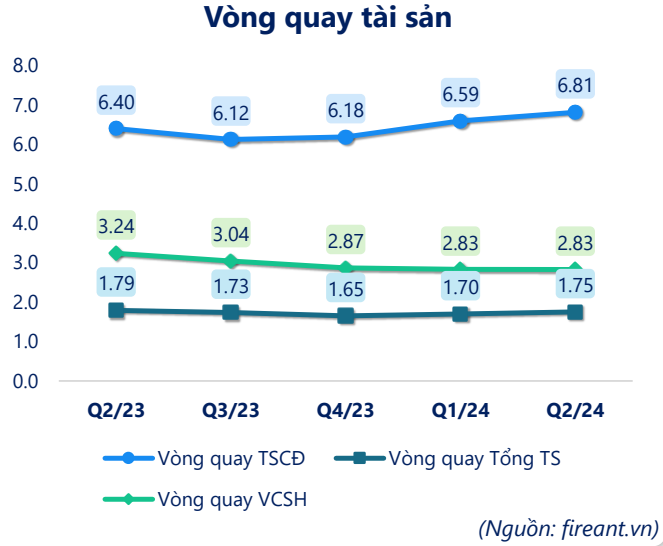
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**147**	**141**	**131**	**130**	**133**
Tài sản ngắn hạn	**99.8**	**96.0**	**88.7**	**90.2**	**91.3**
Tiền và tương đương tiền	9.19	10.6	1.52	1.34	4.83
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	83.0	77.1	76.3	78.4	76.6
Hàng tồn kho	7.46	8.22	10.7	10.4	9.62
Tài sản ngắn hạn khác	0.10	0.17	0.17	0.13	0.31
Tài sản dài hạn	**47.5**	**45.0**	**42.6**	**40.2**	**41.2**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	38.6	36.4	34.2	32.0	33.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.18	1.97	1.76	1.66	1.57
Tài sản dài hạn khác	6.68	6.62	6.57	6.51	6.45
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**59.9**	**60.9**	**50.5**	**48.4**	**46.8**
Nợ ngắn hạn	**59.9**	**60.9**	**50.5**	**48.4**	**46.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.8	12.2	5.18	16.7	0
Phải trả người bán ngắn hạn	30.3	32.4	38.2	27.4	40.6
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**87.3**	**80.1**	**80.8**	**82.1**	**85.8**
Vốn chủ sở hữu	**87.3**	**80.1**	**80.8**	**82.1**	**85.8**
Vốn điều lệ	65.2	65.2	65.2	65.2	65.2
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)